

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /VTNN

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2019

V/v: CBTT về triển khai thực hiện  
kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DOC
- Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: (0251) 3836074 - 3833289 - 3836740 Fax: (0251) 3836270 - 3833289
- E-mail: docambh@vnn.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Văn bản số 34/TCTCNTP-HĐTV ngày 31/01/2019 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai về việc triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

**CTCP VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HC.



**Phan Thị Anh Thy**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34 /TCTCNTP-HĐTV  
V/v triển khai thực hiện các kiến nghị  
của Kiểm toán Nhà nước tại Công ty  
Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Nhóm trưởng Đại diện phần vốn Tổng công ty  
tại Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Căn cứ Thông báo số 471/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai và Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII, theo đó kiến nghị đối với Công ty:

- Điều chỉnh kê khai và lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo kết quả kiểm toán;
- Kiến nghị về xử lý tài chính: Nộp Ngân sách Nhà nước Thuế thu nhập doanh nghiệp 5.885.556 đồng.

Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Công ty thực hiện điều chỉnh số liệu sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2017 theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

2. Thực hiện kiến nghị về xử lý tài chính: Công ty thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 do Kiểm toán Nhà nước xác định tăng thêm là 5.885.556 đồng.

Khi Công ty thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về các khoản nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước do Đoàn KTNN xác định phát sinh tăng số tiền 5.885.556 đồng, Công ty thực hiện ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01/HSKT-KTNN.

Nhóm Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty có ý kiến với Hội đồng quản trị và Giám đốc của Công ty để giải quyết theo thẩm quyền triển khai, thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 471/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 và Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 và có Báo cáo kết quả thực hiện gửi về UBND tỉnh Đồng Nai và Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai để Tổng công ty tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước. Trong báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: các kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, photo kèm theo các chứng từ, tài liệu, ... để chứng minh; với kiến nghị*



*đang thực hiện và chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do).* Thời hạn Công ty gửi báo cáo: trước ngày 28/02/2019.

Giao Nhóm trưởng chịu trách nhiệm thông báo cho các Đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai để cùng nắm và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Kiểm toán NN KV XIII;
- Sở Tài chính Đồng Nai (b/c);
- Chi cục Tài chính DN;
- Hội đồng thành viên;
- Tổng Giám đốc và các Phó TGĐ;
- Kiểm soát viên;
- Giám đốc Tài chính;
- Các Phòng: VP, KTTTC, KHTH, TCLĐ;
- Đại diện vốn Tcty tại Cty CP Vật tư NN ĐNai;
- Công ty CP Vật tư NN Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Kim Long**

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC  
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHU VỰC XIII.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/TB-KVXIII

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 12 năm 2018

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.

Thực hiện Quyết định số 1961/QĐ-KTNN ngày 20/9/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai (DOFICO) năm 2018 của tỉnh Đồng Nai. Tổ kiểm toán số 3 tại Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai thuộc Đoàn kiểm toán tại Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty từ ngày 15/10/2018 đến hết ngày 24/10/2018.

Căn cứ kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán (được ký trên cơ sở kết luận tại cuộc họp Thông qua Dự thảo Biên bản kiểm toán ngày 02/11/2018) và Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai năm 2018 của tỉnh Đồng Nai, KTNN khu vực XIII thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán để đơn vị biết và tổ chức thực hiện như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị năm 2018 và kết quả kiểm toán về số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 được thể hiện tại Phụ lục xác nhận Báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo.

**Sau đây là một số kết luận chủ yếu:**

- Công ty đã xây dựng phương án thoái vốn, tuy nhiên thực hiện tiến độ còn chậm so với Quyết định 4328/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**II. KIẾN NGHỊ:**

**1. Đối với Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai.**

1.1. Điều chỉnh kê khai và lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo kết quả kiểm toán

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính: Nộp NSNN thuế TNDN 5.885.556 đồng,

Đề nghị Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh Đồng Nai, Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước khu vực XIII địa chỉ 209 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trước ngày 31/03/2019.

Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực

hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/HSKT-KTNN kèm theo.

Thông báo này gồm 02 trang, từ trang 01 đến trang 02; Phụ lục số 01,02/HSKT-KTNN và Phụ lục xác nhận báo cáo tài chính 2017 của Công ty là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TCT CNTP Đồng Nai
- Vụ Tổng hợp
- Văn phòng KTNN
- Vụ CĐ&KSCLKT;
- KTNN khu vực XIII;
- Đoàn kiểm toán
- Lưu: TH, VT.

**KIỂM TOÁN TRƯỞNG**



**Hoàng Bổng**



## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

*(Kèm theo thông báo số 47/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)*

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2018 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 847/KTNN-TH ngày 28 tháng 12 năm 2018 và theo Công văn số 451/KVXIII-TH ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai, Công văn số 452/KVXIII-TH ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII gửi Kho bạc nhà nước Trung ương” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2018.”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2018 ”.

Phụ lục số 02/HSKT-KTNN

**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017**

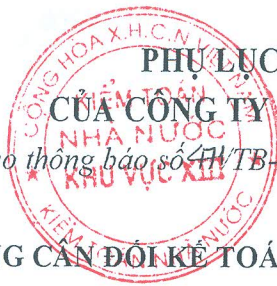
**Qua kiểm toán Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai**

(Kèm theo thông báo số 41/VTB-KVXIII ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Tổng cộng	Thuế TNDN
1	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	5.885.556	5.885.556
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.885.556</b>	<b>5.885.556</b>





**PHỤ LỤC XÁC NHẬN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

(Kèm theo thông báo số 41/TB-KVXIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán nhà nước khu vực XIII)

**A/ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI 31/12/2017**

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>116.185.139.684</b>	<b>116.214.567.465</b>	<b>29.427.781</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>50.322.414.849</b>	<b>50.322.414.849</b>	<b>-</b>
1. Tiền	2.322.414.849	2.322.414.849	
2. Các khoản tương đương tiền	48.000.000.000	48.000.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.000.000.000	11.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>18.502.907.385</b>	<b>18.532.335.166</b>	<b>29.427.781</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.189.024.651	16.189.024.651	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.265.261.171	2.265.261.171	
6. Phải thu ngắn hạn khác	225.363.707	254.791.488	29.427.781
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(176.742.144)	(176.742.144)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>36.179.376.001</b>	<b>36.179.376.001</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	36.179.376.001	36.179.376.001	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>180.441.449</b>	<b>180.441.449</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	180.441.449	180.441.449	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>3.669.118.799</b>	<b>3.669.118.799</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>3.618.652.142</b>	<b>3.618.652.142</b>	<b>-</b>
1. TSCĐ hữu hình	3.618.652.142	3.618.652.142	-
- Nguyên giá	28.650.475.506	28.650.475.506	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(25.031.823.364)	(25.031.823.364)	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>50.466.657</b>	<b>50.466.657</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	50.466.657	50.466.657	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>119.854.258.483</b>	<b>119.883.686.264</b>	<b>29.427.781</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>12.749.408.291</b>	<b>12.755.293.847</b>	<b>5.885.556</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>12.749.408.291</b>	<b>12.755.293.847</b>	<b>5.885.556</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.920.736.813	1.920.736.813	



2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.483.044.300	3.483.044.300	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	718.440.190	724.325.746	5.885.556
4. Phải trả người lao động	1.834.217.798	1.834.217.798	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	549.124.322	549.124.322	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	152.076.000	152.076.000	
9. Phải trả ngắn hạn khác	3.882.940.000	3.882.940.000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	208.828.868	208.828.868	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>107.104.850.192</b>	<b>107.128.392.417</b>	<b>23.542.225</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>107.104.850.192</b>	<b>107.128.392.417</b>	<b>23.542.225</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển	3.838.291.860	3.838.291.860	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.266.558.332	3.290.100.557	23.542.225
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	56.723.744	56.723.744	
- LNST chưa phân phối kỳ này	3.209.834.588	3.233.376.813	23.542.225
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>119.854.258.483</b>	<b>119.883.686.264</b>	<b>29.427.781</b>

Giải thích chênh lệch

ĐVT: Đồng

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

5.885.556

Tăng thuế TNDN, do tăng doanh thu bán hàng

5.885.556

2. LNST chưa phân phối kỳ này tăng

23.542.225

Do điều chỉnh kết quả KD 2017 (giải thích mục B sau)

23.542.225

## B/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.784.359.611	326.813.787.392	29.427.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	78.000.000	78.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	326.706.359.611	326.735.787.392	29.427.781
4. Giá vốn hàng bán	309.333.957.008	309.333.957.008	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	17.372.402.603	17.401.830.384	29.427.781
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4.013.516.665	4.013.516.665	
7. Chi phí tài chính	65.718.684	65.718.684	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	18.553.130	18.553.130	
8. Chi phí bán hàng	6.033.786.516	6.033.786.516	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.135.176.132	8.135.176.132	-
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	7.151.237.936	7.180.665.717	29.427.781

11. Thu nhập khác	629.055.299	629.055.299	-
12. Chi phí khác	-	-	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	629.055.299	629.055.299	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	7.780.293.235	7.809.721.016	29.427.781
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.570.458.647	1.576.344.203	5.885.556
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	6.209.834.588	6.233.376.813	23.542.225

*Giải thích chênh lệch*

*DVT: Đồng*

**1. Tăng doanh thu**

**29.427.781**

Tăng doanh thu, do Công ty xuất tặng 11 tấn phân Hữu cơ Compost khuyến mại, không thu tiền, không thông báo chương trình khuyến mại với Sở Công thương Đồng Nai, chưa phù hợp với quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007.

**29.427.781**

**2. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng**

**23.542.225**

Do các nguyên nhân điều chỉnh nói trên.

**C/ THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NSNN ĐẾN 31/12/2017**

**2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị: Đồng*

<i>Chỉ tiêu *</i>	<i>Số báo cáo</i>	<i>Số kiểm toán</i>	<i>Chênh lệch</i>
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=2-1</b>
<b>I. Thuế</b>	<b>718.440.190</b>	<b>724.325.746</b>	<b>5.885.556</b>
1.Thuế GTGT	22.608.603	22.608.603	
2.Thuế thu nhập doanh nghiệp	659.254.964	665.140.520	5.885.556
3.Thuế thu nhập cá nhân	36.576.623	36.576.623	
<b>Tổng cộng =I+II</b>	<b>718.440.190</b>	<b>724.325.746</b>	<b>5.885.556</b>

*Giải thích chênh lệch*

*DVT: Đồng*

**1. Tăng thuế TNDN phải nộp**

**5.885.556**

Tăng thuế TNDN, do giảm trừ khoản giảm trừ doanh thu đã nêu ở trên (Mục B)

**5.885.556**